

VIÊN-ÂM

NGUYỆT SAN

CƠ-QUAN HOÀNG-PHÁP của HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HỌC



Năm thứ 8 số 83 - Ngày 31-8-49 (Mồng 8-7 Nhuận Kỵ-Sửu)

Phật lịch 2342

MỤC LỤC

Phật Học.	NHẬT-QUANG
Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm	THIỆN-SIÊU
Tâm	TRÍ-QUANG
Những giới điều căn-bản của Phật-Tử	TRÍ-HẢI
Những lời Phật dạy	MINH-CHÂU
Mùa cứu khổ (Thơ).	TRÚC-ĐIỆP
Những mẫu chuyện đạo	MINH-CHÂU
Danh ngôn đối với đạo Phật	VIÊN-GIÁC

DANH SÁCH CÁC TỈNH HỘI CHI HỘI VÀ CÁC VỊ HẢO TÂM LẠC CÚNG GIÚP QUỸ TÔNG - TRỊ - SỰ

Những vị này đã hảo tâm lạc cúng giúp Tông-Trị-Sự trong thời phục hưng chưa có tài-chánh, nên ghi phương danh để tỏ lòng nhớ ơn.

HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN	BỊ CHÚ
Tỉnh Hội Đa-lạt	Đa-Lạt	1.868\$00	
Chi-Hội Công-Hình		3.000.00	
Chi-Hội Cầu-đất		300.00	
Chi-Hội La-Ba		1.230.00	
Đạo-hữu Ngô-thị-Bông	Huế	1.000.00	
Ban-viên Tông-trị sự đương-thư và các Đạo-hữu thành phố Huế	Huế	895.00	
	Cộng...	8.285.00	

Ngoài 2 bản danh sách này, còn có nhiều thiện-tín lạc cúng, ấn tống và các việc từ thiện trong dịp mấy lễ Vía lớn, đều đã đăng phương danh trên các kinh, sách ấn tống rồi.

PHẬT-HỌC

NHẬT QUANG

I. Phật-học: Đạo như-thật.

Cũng trên tờ tạp-chí này, trong số vừa qua, dưới đầu đề HỌC PHẬT, thầy Thuyền-Minh đã chỉ cho chúng ta thấy tại sao việc học Phật rất khó khăn nhưng rất cần-thiết cho người Phật-tử. Thầy Thuyền-Minh còn chỉ cho ta thấy đối với PHẬT HỌC, ta không được chính-giải là vì nhiều khó khăn trở ngại. Một trong những trở ngại ấy là thành-kiến sai lầm, nó tai hại hơn thứ nào cả.

Bây giờ ở bài này tôi muốn cùng các bạn tìm dò một vài điểm chính của PHẬT HỌC. (Chữ PHẬT HỌC ở đây nên hiểu như chữ học trong những chữ khoa học triết-học. Nghĩa là một hệ-thống học-thuyết chuyên môn của Phật-đà, nên gọi là PHẬT HỌC.)

Trước hết, một trong những điểm chính của PHẬT HỌC là *chỉ nói những sự thật của sự vật có*, chứ không nói theo những cái của mình quan-niệm. Nên PHẬT HỌC là cái Học-Như-Thật (như-thật-đạo).

Nhưng đâu là giới-hạn của sự-thật? Cái bàn của nhân-quang thấy, cái bàn ấy không còn nữa đối với quang tuyến X. Sự-thật mà ta cho là thật, chỉ như cái nóng của con

sốt mùa lạnh, cái lạnh của cơn rét mùa nóng. Cái ta cảm-giác được không toàn là có, mà cái ta không cảm-giác được vị tất đã không. Cái không cái có của con người không phải là cái không cái có của con vật, mà có khi lại trái lại. Không có cái gì có một cách tuyệt đối, không có cái gì không một cách tuyệt đối, trong khi sự vật luôn luôn chuyển biến không lường. *Vậy không có cái gì thật tuyệt đối, đó là sự-thật.*

Nên Khế-Kinh có câu: «Biết rõ ràng nhưng sự-thật là không thật gì hết, nên nói là không, chứ không phải không biết». — Kinh LĂNG GIÀ.

Nhưng Khế-Kinh lại còn dạy: «sự thật không thật là chỉ như đồ đi bờ chạy» — Kinh VIÊN GIÁC.

Ý-nghĩa của câu Kinh ấy là, *sự-thật là sự-thật, cái không thật chỉ vì «vọng kiến» không thật*, khác nào chiếc đồ đi, ta ngồi trong đồ không thấy đồ đi, mà lại thấy bờ chạy trong khi *sự-thật không chuyển đi chút nào hết.*

II. Phật-Học: đạo phá trừ triệt đề.

Bởi PHẬT HỌC là đạo như-thật, chỉ nói những điều đúng như sự-thật, cho nên những cái gì của vọng-kiến thì thiết ra, Phật-học đều phủ nhận hết.

Nhưng «vọng kiến» là gì? Chữ «kiến» ở đây bao gồm hết thấy ý niệm, quan niệm, cảm giác, tư duy, thành kiến, cố chấp, thường thức, tập quán, tín ngưỡng, lý đoán, nói chung là «phân biệt». Nhưng những sự phân-biệt ấy hoặc như màu sắc của kính màu ngó ra ánh sáng, hoặc như vòm trời của con

đại ra, hoặc hẹp hòi như máy nhiếp ảnh thu nhỏ lại, *hết thấy đều hư vọng không như-thật*, nên gọi là Vọng-Kiến. Và cái Vọng-Kiến bằng sương ấy sẽ tan nát rã rời hết, một khi đụng chạm với ánh nắng mặt trời Phật-Học.

Phật Học cho ta thấy gì? Với lý thuyết « vô-thường », nó tố cáo trên thời-gian, vạn vật chỉ là những tương-tục-giã (những giòng sinh diệt). Với lý-thuyết « vô ngã », nó chỉ định cho ta thấy trên không-gian, vạn vật chỉ là cái hòa-hợp-giã (những thể tổ hợp). Bởi chỉ là hòa-hợp và tương-tục, cho nên từ tâm thức cho đến thân thể, từ thân thể cho đến vũ trụ, từ vũ trụ thật tại cho đến vũ-trụ trừu tượng, *thấy thấy đều không tự-tánh* (Tự-tánh : cá-thể hay đặc tánh).

Sự phá hoại của PHẬT HỌC thiệt không còn sót gì nữa. Nó phủ nhận hết thấy sự tồn tại của từ một đơn-vị cực vi cho đến cả vũ-trụ đồ sộ, nó phá đổ sự sống còn của từ một tế-bào cho đến một cơ-thể.

Nói tóm là cái gì « có » thì đều tiêu tan hết dưới sự quét trù của PHẬT HỌC như lá vàng trước cơn gió mùa thu.

Cái « có » thật sự còn bị phá hoại như thế, hướng chỉ những giả-ảnh tượng tượng ra? Gần đây có một số tín đồ Phật-Giáo mà, tuy không thừa nhận thượng-đế theo quan-niệm nhân-cách-hóa, nhưng lại cố chấp thượng-đế theo quan-niệm phiếm-thần-luận.

Thượng-đế có hay không? Phiếm-thần thật hay giả? Cái đó không phải của Phật-Học, nên đứng về phía Phật-Học, ta không nên đi động đến. Nhưng đã là tín đồ Phật-Giáo mà thừa nhận thượng-đế, dù là thừa nhận theo quan

nhái dưới đáy giếng thấy, hoặc hào nháng như kính hiển-vi phóng niệm phẩm thần-luận (nghĩa là tin rằng thượng-đế không phải một đấng nhưng là một thể phổ biến sinh hóa và chi-phối vạn vật), thì cũng như chữ trường « linh hồn bất diệt », « bản thể thuần túy » . . . , chỉ là cái ngã-chấp của Thăng-luận vậy, chứ nào phải Chánh Pháp?

Ở đây cũng nên nói cho rõ ràng. Những người thừa nhận Thượng-đế theo quan niệm phẩm thần như vậy nếu là đúng, nghĩa là cái họ hiểu là cái thể phổ-biến thanh-tịnh tuyệt-đối in như Chân như (và họ cũng thường phụ họa như vậy để chống chố), thì sao không gọi hẳn là « Chân-như » cho danh đúng thật, mà cứ gọi là Thượng-đế để núp dưới danh-từ ấy, quan niệm ấy, cất đây một ông trời mà thâm tâm họ tin ngưỡng? Hay họ bảo miễn cái thật hiểu cho đúng thì thôi chứ cần chi danh-từ; nếu thế sao họ cứ khư khư giữ cái tên Thượng-đế?

Cho nên một người học Phật là phải hiểu rằng ở PHẬT-HỌC tiêu trừ hết thấy, không còn dung chứa một cái gì hết.

III. Phật-Học : đạo kiến thiết tất cả.

Không khí không lọc thì không thể hít thở, đất đai không san phẳng thì không thể làm nhà được. Một lễ gồ nếu không cưa xẻ ra và ghép đóng lại thì không làm được cái gì cả. Cho nên hiện tiền toàn vọng tức chân, nhưng phải phá hoại tất cả, phủ nhận hết thấy, mới kiến thiết một cách tốt đẹp và vững chãi.

PHẬT-HỌC là cái học đứng lên trên và đầy đủ tất cả mọi phương diện, mà phương diện nào cũng như thật. Nên nó là cái học kiến tạo tất cả.

Cho nên một người học Phật, điều cần thiết là phải tin ở năng-lực sáng tạo của tâm-trí, tin ở sự định đoạt của hành-vi. Phải hiểu bao nhiêu kết quả của quá-khứ và hiện-tại, ta đều có trách nhiệm, và cục-diện tương-lai thế nào là hoàn toàn do ta định đoạt.

Phật dạy : *Tâm đem thể-gian đến,*

Tâm kéo thể-gian đi,

Như bánh lăn theo trục :

Vũ-trụ chuyển theo Tâm.

Một người Phật-Tử là như viên ngọc ma ni lớn, mỗi cánh mỗi khía đều ánh chiếu một màu sắc. Các bạn không thấy sao, trong 32 ứng-thân của đức Quan-thế-âm, thân phụ-nữ ngài làm nhiều đã đành, mà thân các súc vật ngài cũng không bỏ. Cho nên hết thấy phương diện cuộc đời mà cần-thiết cho mình, cho gia đình, và cho xã hội mình sống, thì Phật-tử đều phải làm, làm nhiều hơn và hay hơn ai cả. Một lớp bụi nhớp trên đường đời hay một tiếng rên khóc trong túp nhà tranh, Phật-tử đều có trách nhiệm : trách nhiệm đã gây ra và trách nhiệm phải chữa lại.

Nhưng không phải Phật-Học bắt buộc con người phải là người hoàn toàn, mà chỉ đòi hỏi nơi ta một sự tròn bổn phận.

Dầu làm cha mẹ hay ở địa vị con cái, dầu làm nghề nghiệp hay buôn bán, dầu đứng trên địa hạt tại-gia hay trong phạm vi xuất-gia, làm gì cũng được và phải nhận lấy một việc làm. Có điều bao giờ cũng phải đề-chữ như-thật, chữ hợp lý lên trên hết là được, là Phật-Học.

Khế-Kinh dạy : Cây-Giác-Ngộ phải mọc giữa đám đất Đau-Khổ, lấy chúng sinh làm gốc, lấy Lòng-Thương bao la làm nước tưới mới có hoa-quả Trí-Tuệ. Lại dạy :

*Phật-pháp ở trong thế-gian;
Không rời thế-gian mà có Giác-ngộ.
Rời thế-gian cầu Bồ-đề,
Thì cũng như tìm sừng thỏ.*

Đức Phật còn dạy một cách triệt để rằng: « Chúng-sinh là tịnh-độ của Bồ-tát. Nên Bồ-tát làm gì cũng vì chúng-sinh ». Và ví dụ rằng hoa sen chỉ mọc ở bùn lầy: Giác-ngộ không phát sinh từ yên-tĩnh mà đẻ ra ở trong phiền-não.

IV. Phật-Học : Đạo thể-nghiệm.

Phật-Học như thật, phá hoại triệt để, kiến thiết đến cùng như vậy, nên cái điểm chính cuối cùng của nó là « thể-nghiệm ».

Thế nào gọi là thể nghiệm? Hãy lấy một thí dụ thể này cho dễ hiểu. Một người thông thái có thể phân chất trong một trái chanh thành-phần gồm có những gì, và kết luận rằng chua. Một người ném ngay vào trái chanh, người ấy biết chua. Cái chua của người ném là sự thể-nghiệm vậy. Còn cái kết luận của nhà thông thái kia chỉ là lý-giải. Mà Phật-Học thì chỉ cần thể-nghiệm. Nói cho rõ ràng hơn, cái đích mà Phật-Học cần phải đến là thể-nghiệm, còn lý-giải chỉ là phương tiện. Phật-Học cần thiết nó nhưng không đứng lại ở đó. Hơn nữa, nếu lý-giải mà không thể-nghiệm, thì lý-giải chỉ là lý-giải, và có khi đi đến chỗ sai-lầm. Nên Phật-Học khi nói giai đoạn cuối cùng của Giác-Ngộ thường dùng chữ « chứng ». Chứng nghĩa là trí-tuệ in như sự thật, ăn nhập với sự-thật, tức là thể-nghiệm. Nói một cách khác, tức là NHƯ THẬT vậy. Cho nên muốn « Chứng » (thể-nghiệm), Phật-Học đi từ lý-giải (quán sát) đến kiến thiết (thiệt hành). Và chữ chứng đúng nghĩa là

Như-Thật: Tự thử chỉ chung PHẬT HỌC là cái Học-Như-Thật (Như-Thật Đạo).

Cái Học-Như-Thật ấy nó đem lại những gì cho thế gian? nó quan hệ với thế-gian như thế nào? Các bạn tự mình có thể giải đáp cho mình được, khi đã hiểu những điểm chính của PHẬT-HỌC.

Tuy vậy, cũng có người vẫn không thừa nhận giá trị chân thật hiển nhiên của nó. Tại sao? Tôi nhớ đến một cái thí dụ trong Kinh: Có hai con cá ở trong một giòng sông. Một hôm tình cờ một trong 2 con ấy bị người đánh chài vớt lên trên bờ. Nó mục kích được bao nhiêu cao rộng của trời đất, bao nhiêu sum la của cỏ cây. Rồi may mắn nó được nhảy thoát xuống sông và gặp bạn cũ, bèn kể lại những điều thấy nghe. Bạn nó càng nghe càng ngó nó bằng cặp mắt nghi ngờ. Nghe xong bạn nó hỏi: Cái anh thấy đó nó mênh mông trắng bạc như nước sông này ư? — Không phải. — Nó như rong như cỏ như tôm như ốc kia ư? — Không phải. Tức thì bạn nó bảo: Anh nói đến tôi không thể tin được nữa. Than ôi! Thế gian đâu có cảnh giới mà cái gì cũng không phải như thế? Thế rồi bạn nó nguây vi bỏ đi. Nó nhìn theo với một sự ngạc nhiên không kém bạn nó đã nhìn nó. Nhưng nó hiểu.

KINH THỦ LĂNG NGHIỆM

THÍCH-THIỆN-SIÊU

DIỄN NGHĨA. (tiếp theo)

Ông Tôn-Đà-La-Nan-Đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu lay chân Phật, mà bạch rằng : « Tôi lúc đầu xuất gia theo Phật nhập đạo, tuy đối với giới luật (giới) giữ gìn đầy đủ, mà đối với phép Tam-ma-địa (định) thì tâm thường loạn động, nên chưa thành vô lậu. Đức-Thế Tôn dạy tôi cùng ông Câu-Thi-La quán tưởng trắng trên chót sống mũi. Lúc đầu quán kỹ, trải qua 21 ngày thấy hơi trong mũi ra vào như khói, thân tâm thế giới trong ngoài rỗng suốt, khắp đều trong sạch như ngọc lưu ly. Rồi dần dần tướng khói tiêu tan mà hơi thở lại biến thành sắc trắng, tâm đặt khai ngộ, các lậu tiêu trừ, hơi thở ra vào hóa thành ánh quang minh soi cùng mười phương thế giới, chứng quả A-La-Hán Đức Thế Tôn thọ ký cho tôi tương lai chứng đạo bồ-đề. Nay Phật hỏi Viên thông, tôi do tiêu trừ hơi thở, hơi thở tiêu lâu nên tâm phát sáng, sáng càng viên mãn, các lậu chẳng còn, ấy là thứ nhất.

Ông Phú-Lâu-Na-Di-Đa-La-Ni-Tứ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu lạy chân Phật, mà bạch rằng : « Tôi từ nhiều kiếp lại đây, biện tài vô ngại, tuyên nói các pháp khổ, không, đạt cùng pháp thật-tướng, như vậy cho đến tất cả pháp môn bí-mật của hăng sa Như-Lai, tôi đều đem giảng bày rất rõ ràng vì diệu ra giữa đại chúng không chút sợ sệt. Đức Thế-Tôn biết tôi có tài hùng biện nên dùng âm thanh tuyên nói pháp luân dạy tôi đem ra truyền bá. Tôi ở trước Phật dùng tiếng thuyết pháp như sư-tử rống để giúp Phật chuyển pháp luân, đặt thành A-La-Hán. Đức Thế-Tôn ấn chứng tôi là người thuyết pháp không ai bằng. Nay Phật hỏi Viên Thông, tôi do pháp-âm, hàng phục lũ ma oán, tiêu diệt các lậu, ấy là thứ nhất.

Ông Ưu-Ba-Ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu lạy chân Phật mà bạch rằng : « tôi thân tùy với Phật, thấy ngài vượt thành xuất gia, chính tôi quán thấy Đức Như-Lai sáu năm tu khổ hạnh, hàng phục loài ma, uốn dẹp ngoại đạo, giải thoát các lậu, tham dục thế gian ; lại được thừa lãnh giáo giới của Phật chế ; như thế cho đến 3.000 oai nghi, 80.000 hạnh vi tế, nào tánh-nghiệp nào giá-nghiệp, tôi đều giữ gìn thanh tịnh, thân tâm vắng lặng, thành bậc A-La-Hán. Tôi là giềng mối trong chúng đệ-tử của Như-Lai, Phật ấn chứng tâm tôi, giữ giới tu thân, chúng suy tôn làm

thượng thủ. Nay Phật hỏi Viên Thông thì tôi trước do chấp giữ thân, thân định tự tại, sau lại do chấp giữ tâm, tâm định thông suốt. Vậy sau tất cả thân tâm thấy đều thông lợi, ấy là thứ nhất.

Ông Đại-Mục-Kiên-Liên, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu lạy chân Phật mà bạch rằng : « Lúc trước tôi đi khổ thực, giữa đường gặp ba anh em Ông Ca-Diếp-Ea, là Ông Ưu-Lâu-Tần-Loa, Ông Già-Gia và Ông Na-Đề tuyên nói nghĩa như duyên sâu xa của Như-Lai, tâm liền khai ngộ, thấu suốt rộng lớn, đức Như-Lai cho mặc y ca-sa, râu tóc tự rụng hết. Tôi dạo đi mười phương, không bị ngăn ngại, phát minh thần thông, suy tôi là hơn cả, thành A-La-Hán. Đâu chỉ một mình Thế-Tôn, mà mười phương Như Lai cũng đều khen thần lực tôi, tròn sáng thanh tịnh, tự tại không e sợ. Nay Phật hỏi Viên-Thông, tôi do xoay ý thức về tánh viên trạch, tâm quang mở bày, ví như lắng dòng nước đục, lâu ngày thành trong suốt, ấy là thứ nhất.

Ông Ô-Sô-Sắc-Ma ở trước Như Lai chấp tay cúi đầu lạy hai chân Phật mà bạch rằng : « Tôi thường nhớ lại nhiều kiếp xa xôi về trước, tánh nhiều tham dục. Có đức Phật ra đời hiệu là Không-Vương, Ngài dạy : người nhiều tham tánh, là thành đồng lửa hầy hùng, lại dạy tôi quán khắp 100 hải 4 vực, các khí lạnh, nóng

tinh thần bề trong ngưng tịnh, nên hóa tâm đa dâm thành ra lữ Trí-Huệ. Từ đó Chư Phật đều gọi tôi là Hóa Đầu. Tôi do sức Hỏa-quang tam-muội mà thành A-La-Hán. Tâm phát nguyện lớn, hể chư Phật thành Đạo thì tôi làm người Lục-sĩ hầu cận, uốn dẹp lữ ma oán. Nay Phật hỏi Viên-Thông, tôi do quán sát cái xúc nóng nơi thân tâm, rỗng suốt không ngại, các lậu tiêu trừ, phát sanh lửa Trí-Huệ lớn báu, lên bậc Vô-thượng-giác ấy là thứ nhất.

(ĐẠI - Ý)

PHẬT GẶP HỎI CHỖ CHÚNG NGỘ ĐỀ LỰA CHỌN
CĂN VIÊN-THÔNG THỪ THẮNG (tiếp theo).

Tỷ thức Viên-Thông.

Ông Tôn-Đà La-Nan-Đà nhân tu về tỷ-thức mà ngộ nhập Viên-Thông. Trên con đường tu hành chọn chánh đến kết quả vô-thượng Bồ-Đề là phải đủ ba điều kiện căn yếu : giới luật, thuyền định, trí-huệ. Giới đề ngăn ngừa tội lỗi định đề đón dẹp vọng tưởng tán loạn ; tuệ đề phá vô minh thấu rõ thật lý. Bởi vậy, mặc dầu giữ gìn giới luật hoàn toàn mà tâm thiếu thuyền quán, bị tán loạn thì bao nhiêu hoặc-lậu vô-minh vẫn còn tương tục ngăn che Thánh-quả vô-lậu. Thuyền quán thì cốt tại buộc tâm vào một chỗ hay một pháp môn để quán sát, như Phật dạy Ông Tôn-Đà La-Nan-Đà và Câu-Thị-La chuyển tâm quán tướng trắng đầu chót sóng mũi, hể quán tâm lần sâu xa thì cảnh sở-quán lần thanh tịnh, cho nên thấy hơi thở có khi như

khói, có khi thành trắng, đến khi hóa ra ánh sáng. Cảnh sở quán đã sáng suốt, tâm năng quán cũng viên minh, thì thân tâm thế-giới khắp 10 phương thấy đều trong suốt như chất lưu ly, không như bọt, không ngăn cách, ấy là dứt nhân sanh tử, được Phật thọ ký chứng Bồ-đề quả.

Thiệt thức viên thông.

Ông Phú-lâu-na-di đa-la ni-tử, nhân tu thiệt-thức mà ngộ nhập viên thông.

Thiệt thức có công năng biết vị và thuyết pháp.

Phật vì cứu chúng sanh khỏi vòng điên đảo chấp mọi sự mọi vật là thường, là lạc, là ngã, là tịnh, nên tuyên dạy pháp vô-thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Nhân đó mà hàng nhị thừa giải thoát phân đoạn sanh tử chứng vô-dur-y-Niệt-Bàn và đem giáo hóa dẫn đạo chúng sanh. Thiệt ra thì trong khi Phật dạy lý vô-thường, khổ, vô ngã, bất tịnh mà mật ý cốt chỉ cho chúng sanh đương nơi 4 điều ấy nhận thấu thật-tướng bình đẳng thường, lạc, ngã, tịnh của tất cả các pháp. Vì Thật-tướng ấy mới là pháp môn bí-mật của hăng sa Đức Như Lai, là chỗ muốn chỉ của âm thanh-luân của Phật tuyên nói; nếu ngộặng pháp-môn ấy như Ông Phú-Lâu-Na thì tài biện luận thuyết pháp không ai sánh bằng, mặc dầu nói pháp khổ, không mà không ly thật tướng, tuy không ly thật-tướng mà tự tại tuyên nói khổ không đề điều nhiếp chúng sanh, hàng phục ma ngoại.

Thân thức Viên-thông.

Ông Ưu-Ba-Ly nhân tu thân thức mà ngộ nhập Viên-thông. Ông, một người hầu cận của Phật trong khi Ngài còn làm Thái-Tử nên thấy rõ hành động của Phật, khi xuất

gia, khi tu khổ hạnh, cho đến khi hàng tà ma, thành đạo quả và thiết chế giới luật; lại là vị đệ tử trì luật thứ nhất, lãnh thọ giới luật, thanh tịnh tu trì, nào những điều thể tánh vốn ác như sát, đạo, dâm, vọng gọi là tánh nghiệp, những điều thể tánh không phải ác nhưng vì hay mở đường tội lỗi như rượu v.v. mà Phật chế ngăn gọi là giá-nghiệp, cho đến 3000 oai nghi (250 giới đều có 4 cử động là đi đứng, ngồi, nằm, $250 \times 4 = 1.000$, 1.000 đối với 3 tụ-giới thành ra 3000) 84.000 tế hành (3000 oai nghi đem phối với bảy chi: sát, đạo, dâm, lường thiệt, vọng ngôn, ác khẩu, ý ngữ thành 21.000, lại phối với 4 phần phần nào là đa tham, đa sân, đa si, tham sân si đẳng phần, thành ra 84.000) thấy đều giữ gìn không giới nào khuyết phạm, thân thường ở trong giới, toàn thân tức là giới, khi-giới đã dừng thanh tịnh thì thân ấy là thân tịch diệt, mà tâm ấy là tâm chơn thường diệu giác, mặc dầu ở trong thế gian uế-ác mà không bao giờ bị ô-nhiễm như diệu liên hoa vậy.

Ý thức Viên-thông.

Ông Đại-Mục-Kiền-Liên nhân tu ý-thức mà ngộ nhập viên thông. Sau khi nghe ba anh em Ông Ca-Điếp-ba nói lý nhân duyên của Phật. Liên ngộ ngộ đặng nhân duyên thâm nghĩa không phải như nghĩa thông thường nói các pháp có ra là do nhiều cái hợp lại, hơn nữa các pháp đã nhân duyên sanh thì tức là không tánh thiệt có, tức là như huyền, tức là Trung-Đạo Thật Tướng, chính nơi các pháp đối đãi sanh diệt mà nhận ra thật tướng tuyệt đối không sanh diệt, vậy nên dầu gần dầu xa dầu lớn dầu nhỏ không còn chút gì ngăn ngại, xứng y thật tướng, phát hiện thần thông để độ chúng sanh và

phụng thờ Chư-Phật! vì được như vậy nên Ông Mục-Kiền-Liên mới gọi là bậc thần thông thứ nhất.

Hỏa Đại Viên-thông

Ông Ô-Sô-Sắc-Ma nhân tu về Hỏa-Đại mà ngộ nhập Viên-thông. Chỉ vì còn vọng tưởng nên còn tách tham dâm, do tách tham dâm mới kết thành lửa nghiệp hầy hừng đốt cháy thân tâm, lu mờ ánh sáng trí huệ, nhưng vọng tưởng chỉ là tâm, tham dâm chỉ là tâm, mà trí huệ cũng chỉ là tâm, nếu tâm vọng tưởng tham dâm ngừng tiêu, thì lửa trí-huệ phát hiện. Ông Ô-sô-sắc-ma vốn là người nhiều dâm-dục, sau khi nghe Đức Phật Không Vương dạy cho biết người đa dâm biến thành đồng lửa dữ, mới chuyên tâm quán sát toàn thân tứ đại vốn không chủ tử, 100 hải 4 vóc, khi lạnh, khi nóng v v.. đều thuộc về nơi tứ đại, tâm đa dâm vốn không tự tách, tất cả đều do vọng tưởng mà ra, bởi tạng-tâm tùy duyên biến hiện, ngộ được tất cả vô tách tức thành định-lực hỏa quang tam-muội đốt cháy hết thấy thể gian, và oán ma sanh tử.

còn nữa

TÂM

THÍCH-TRÍ-QUANG

1o) Thế nào gọi là TÂM?

2o) Những quan niệm sai lầm

I. — Thế nào gọi là Tâm?

Chữ Phạm là CITA, Tàu dịch ý là TÂM, lắm khi cũng gọi là THỨC.

Nắm lấy cương lĩnh của tất cả nghĩa lý thuyết-minh về TÂM của Phật-Học mà cắt nghĩa thì TÂM có 3 ý:

a) Phân biệt gọi là TÂM. — Thế nào gọi là « phân biệt »? Nghĩa đen của chữ ấy là chia khác. Vậy không những nhận thức phân biệt thứ bị-biết này với thứ bị-biết kia mới gọi là phân biệt, mà, ta lấy một thí dụ cho rõ như con đụn bò đặng hòn than lửa, tức thời nó thụt lùi lại dù nó không biết hòn than đỏ là gì và phía sau nó thụt lùi lại có những gì. Nó thụt lại chỉ vì « bản năng bảo vệ sự sống vốn có » của nó (nói như thuật ngữ Phật-học, là cấu sinh ngã chấp). Đó cũng là « phân biệt » vậy.

Nói tóm, hề phân biệt thì gọi là TÂM THỨC.

b) Tập khởi gọi là TÂM. — TÂM « phân biệt » phát hiện được là do những khả-năng-vốn-có của nó (gọi theo thuật ngữ là bản hữu chủng tử). Những khả năng này quán hệ với nhau, kích động nhau. Chính do sự quán hệ kích động nhau đó mà những khả năng ấy phát hiện lên

(gọi theo thuật ngữ là hiện hành). Sự phát hiện đó lại tăng thêm và kích động cho khả-năng vốn-có, sự tăng thêm và kích động này gọi theo thuật ngữ là huân-tập, (và khả-năng vốn có bây giờ gọi là tập-thành-chủng tử). Khả năng vốn có do sự huân tập này mà lại phát hiện lên. Hết thấy hiện tượng về không gian và thời gian chỉ là sự tổ-hợp và sự liên-tục phát-hiện của các khả năng ấy. Ý niệm về không gian chỉ là do sự tổ-hợp của khả-năng, ý-niệm về thời gian chỉ do sự liên-tục của khả-năng.

Và TÂM là gì? Là cái cở thể của các khả năng, là chủ-thể của sự huân tập (tập) và phát hiện (khởi) của khả-năng, nên nói «tập-khởi gọi là TÂM», và tập-khởi-tâm ấy gọi theo thuật-ngữ là A-ĐÀ-NA-THỨC vậy. (1)

c) chân-tánh gọi là TÂM. — Chân-tánh là thể-tánh chân-thật. Chân-tánh này có 2 nghĩa :

1) A-Đà-Na lấy một phía khả năng thuần túy. Nơi cở thể A-Đà-Na những khả-thể đại-khải có hai loại : thanh-tịnh (vô-lậu) và tập-nhiễm (hữu-lậu). Ở đây chỉ lấy loại thứ nhất. Cả cở thể A-Đà-Na và khả-năng thuần-túy ấy gọi là chân-tánh.

2) Chân như của cở-thể A-ĐÀ-NA gọi là chân tánh. Cả 2 nghĩa chân tánh ấy vì là chân tánh của TÂM nên cũng tức nghĩa của TÂM.

Trong Phật-Học, ngoài những chỗ nói TÂM với những nghĩa thông thường phần nhiều ở Tiểu-Thừa hay nói phần thứ nhất, nghĩa ấy gọi là duyên-lự-tâm. Trong Duy-thức-học của Đại Thừa phần nhiều hay nói nghĩa thứ nhất và nghĩa thứ hai. Nghĩa thứ hai gọi là Tập-khởi-tâm. Còn các kinh luận chỉ cực của Đại-Thừa lại phần nhiều hay nói nghĩa TÂM sau hết, nghĩa Kiên-thật-tâm.

Nhưng A-ĐÀ-NA là cả-thể, phân biệt là dụng còn chân tánh là tánh: Ba nghĩa trên chỉ là 3 tên của TÂM mà thôi.

Và tùy trường hợp, chúng ta phải hiểu chữ TÂM mỗi nơi một khác, nhưng đến cùng thì phải hiểu chữ TÂM với những ý nghĩa như vậy mới cụ thể.

II. — Những quan niệm sai lầm

Hầu hết tất cả chúng ta, hề nghe nói đến TÂM thì tức thời có 3 quan niệm sau đây:

— TÂM ở trong thân.

— TÂM là những hiện tượng lý trí, tình cảm và ý chí.

— TÂM là biết, đối lại với cái bị-biết là VẬT

Do những quan-niệm này, nó tạo thành một nhận định về TÂM, hầu như thành thói quen, rằng TÂM khác với VẬT, trong vũ-trụ có hai loại ấy khác hẳn với nhau.

Ta phải nội mau lẹ rằng những quan niệm ấy đòi với chữ TÂM của Phật-Học chỉ là những ngộ nhận.

Trước hết cái thành-kiến tâm nào là TÂM thì ngàn xưa Phật-Học đã bảo đó là nhục-đoàn-tâm, là khối-thịt có khác với ngoại vật (khối thịt ở ngoài) bởi chỗ có « chấp thọ » hay không mà thôi.

Còn vật chất ? Khoa học nói những năng lực chậm nhất làm cho ta có cảm giác là vật-chất. Phật-Học nói chỉ là hiện hành của chủng tử (khả năng) liên-tiếp phát-hiện, như vòng lửa chồi do cây hương liên tiếp quay ra.

Hết thấy hiện hành gồm có hai phần là biết (kiến phần) và bị-biết (tướng phần) Đứng trên nguyên-tắc « chủng tử

sinh hiện-hành » thì khả năng nào phát hiện hiện-hành ấy, nhưng đứng trên nguyên tắc « hiện-hành sinh hiện-hành » thì sự phát hiện này có quan hệ với sự phát hiện khác. Cho nên có hoa (bị biết) mới có sự thấy (biết), nhưng cái thấy ấy không có hạt giống (khả năng) của nó thì cái hoa kia trước mắt chỉ như trước cặp kính mà thôi, không thể có sự thấy được.

Và tất cả hiện-hành Biết, Bị-biết đều chỉ là tác dụng của TÂM, của A-ĐÀ-NA, như hết thấy hiện-tượng chỉ là biểu tượng của năng lượng. (Đứng về A-ĐÀ-NA, mà nói, thì năng lượng cũng chỉ hiện hành, và năng lượng đối với hiện-tượng chỉ là hiện-hành sinh hiện-hành).

Những hiện tượng về tâm-lý mà thông thường cho là TÂM chỉ là một vài tác dụng về loại Biết của TÂM trong phạm vi Người. Còn thân thể đối với TÂM thì ta có thể ví dụ tuy không được đúng lắm, rằng chỉ như điện khí không gian một phần thu vào bóng đèn, mà những TÂM của người ta nói chỉ như ánh sáng ấy.

Nhưng thật ra biết là Tâm, bị-biết cũng Tâm, thân là Tâm mà ảnh cũng Tâm. Khắp không gian cùng thời gian, dầu là hiện-hành thì do đó chúng-từ phát hiện, và chúng-từ chỉ là khả năng, hiện hành chỉ, biểu tượng của Tâm mà thôi vậy.

(1) Vì cái tính cách đặc biệt và quan hệ của nó, nên trong số sau tôi sẽ trình bày riêng về A-ĐÀ-NA, Bài này chỉ như lời nói đầu của A-ĐÀ-NA mà thôi, ./.

BÀI GIẢNG

Những giới điều căn bản của Phật-Tử

TRÍ-HẢI

Nghe nói đến những giới điều căn bản, thì chắc hẳn ai cũng biết đó là 3 quy-y và 5 cấm-giới,

Ba quy-y và năm cấm-giới là cái tín ngưỡng cái nhân cách căn-bản của người Phật-tử bất cứ là Xuất-gia hay Tại-gia, không có 3 quy-y và năm cấm-giới thì không thể nói là Phật-tử được.

I.— Ba Quy - y là gì ?

*Một, trọn đời quy-y Phật-Đà không quy-y thiên-thần
quỷ-vật.*

*Hai, trọn đời quy-y Đạt-Ma, không quy-y ngoại đạo
tà giáo.*

*Ba, trọn đời quy-y Tăng-già, không quy-y tôn hủu
ác đàng.*

Phật-Đà là đấng Giác-ngộ Hiện-thật, tức là đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni, và các đấng Giác-Ngộ khác. Đạt-Ma là những luật Hiện-thật, và giáo-lý dạy về luật ấy cùng chỉ phương pháp diệt khổ. Tăng-Già là đoàn thể thật-hành và truyền bá Đạt-Ma.

Phật-Đà, Đạt-Ma, Tăng-Già là Tam Bảo của Phật-Tử. Phật-tử đã quy-y Tam-Bảo, nghĩa là đã chánh tín rồi, thì không được quy-y tin theo :

— Thiên-thần quỷ-vật, người chưa hay không hoàn-toàn giác-ngộ Hiện-thật.

— Ngoại đạo tà giáo, giáo lý không diễn tả Hiện-thật và không thể diệt khổ.

— Tồn hữu ác đảng kẻ tay sai của dục vọng, không như thật thiết hành Hiện-thật.

Như vậy tức gọi là giới. Và giới quy-y còn quan hệ hơn cấm giới. Tại sao? Ví như một người suốt đời không sát sinh, mà không quy-y Phật-Đà hoặc quy-y không duy nhất, thờ lạy thiên thần quĩ-vật, thì đó không phải là Phật-tử. Trái lại nếu quy-y Phật-Đà một cách duy nhất nghĩa là chánh tín đầy đủ mà không giữ giới sát sinh thì đó là Phật-tử, nhưng một Phật-tử khuyết điểm thật-hành, như chiếc đồ lái đúng hướng nhưng đi chậm mà thôi. Nếu chiếc đồ lái sai hướng như người đã quy-y tín-ngưỡng sai lầm thì dù có thực hành, sự thật hành ấy càng đi xa với Tam-Bảo càng không đến chỗ diệt khổ được.

II. — Năm cấm-giới là gì?

Một, thề trọn đời không sát sanh.

Hai, thề trọn đời không trộm cướp.

Ba, thề trọn đời không tà dâm.

Bốn, thề trọn đời không nói dối.

Năm, thề trọn đời không uống rượu.

Đúng ra phải nói thêm rằng, thề trọn đời không tự mình, không khiến người, không thấy người sát hại mà tán-thành, cho đến không tự mình, không khiến người không thấy người khác uống rượu mà tán-thành.

Năm cấm-giới không phải là điều ép buộc, mà là cái luật sống. Nghĩa là ta ham sống, ham hạnh phúc thì mọi người cũng đều ham muốn như thế. Vậy trong khi ta ham sống hạnh phúc, luật sống bắt buộc ta không được xâm phạm

sự sống của người và phá hoại sự sống của mình bằng sự sát sinh cho đến uống rượu. Ta giữ đúng luật sống ấy thì sống. Ta đi ngược lại luật sống ấy thì phải chết. Nếu phân lại luật sống mà sống thì cái sống ấy là cướp đoạt của kẻ khác, như vậy thì sự sống hạnh phúc đã chết rồi.

Trong 5 cấm-giới này nhẹ nhất là giới uống rượu. Mới xem qua thì nhẹ lắm; nhưng ta có đọc thấy sự lo sợ của các nhà y-học trước sự phá hoại cơ thể của rượu, trước sự giúp đỡ mạnh của rượu cho các vi-trùng, nhất là vi trùng lao, vi-trùng bệnh phong tình? Ta có thể tưởng tượng được sự say rượu của ông quan-lòa trong lúc kết án, của người lính lúc ra trận?

Lại như sự nói dối. Có hại gì lắm đâu so với sát sinh. Nhưng không ai đọc được chữ ngờ với miệng hai lưỡi (một phần của nói dối) của ông ngoại tướng: nói ra một tiếng là vô số bom đạn bay vào loài người, nói vào một tiếng là vô số người theo vào cõi chết.

Việc đòi rất to lại từ một điểm rất nhỏ ở lòng người. Nên lòng người phải được đối trị thì căn bản hòa bình an lạc mới có.

III. — Vài điểm cần biết

1) Thọ 3 quy-y rồi thì gọi là Phật-tử (Ưu Bà-tắc: người gần gũi Tam-Bảo). Sau khi thọ 3 quy-y thì tùy năng lực tùy hoàn cảnh mà thọ 5 cấm-giới. Như thọ được 5 cấm-giới thì gọi là Phật-tử hoàn toàn (toàn-phần Ưu-bà-tắc) thọ 4 giới thì gọi là phần nhiều, thọ 3 giới thì gọi là phần nữa, thọ 2 hay 1 thì gọi là phần ít. Còn không thọ được giới nào thì gọi là Phật-tử không (Ưu-bà-tắc hay ưu-bà-di).

2) Cần phân biệt giới và điều-hạnh. Giới là sự thệ-nguyện, là luật. Vậy nó có tính-cách không thọ thì thôi, thọ rồi thì không được phạm, phạm thì mất giới thể (sự

thệ nguyện) và hề phạm một giới tức bị 2 lỗi một lỗi chính và một lỗi nói dối vì trái lời thề. Vì tính cách này mà còn một tính cách khác nữa là suốt đời. Đã là giới nghĩa thệ nguyện, thì phải giữ trọn đời, trừ khi nào xã giới và kỳ hạn thời gian khi thọ. Đó là cấm-giới.

Còn diệu-hạnh là thế nào? Là nếu ta không thọ giữ cấm-giới được thì có thể thiệt-hành diệu-hạnh, nghĩa là 5 cấm-giới đó mà tùy trường hợp tùy năng lực, tùy tâm nguyện, ta có thể giữ, có thể thiệt hành từng nào cũng sẽ có kết quả tương đương từng ấy.

Cho nên cấm giới nó có tính cách cùng không-gian suốt thời-gian, thí dụ giới không sát-sinh thì không được giết ai và không lúc nào được giết cả.

Còn diệu-hạnh khác; Có thể tùy chỗ tùy lúc giữ được ngàn nào hay ngàn ấy, thí dụ ăn thịt nhưng chưa thịt loài chim, uống rượu, nhưng ngày Rằm ngày Vía không uống.

3) Trước khi thọ 3 quy-y 5 cấm-giới, điều kiện tuy nhiều, nhưng tóm tắt có những điều này:

— Muốn thọ điều gì phải hiểu đủ năng lực giữ điều đó.

— Muốn thọ thì phải không có bệnh nặng về thân thể và tinh-thần (hoặc chữa đi đã)

— Không có những quá khứ quá mất danh dự nhân cách (hoặc phải thanh toán trước đã).

Những giới-diệu căn-bản đã được giải thích nhiều. Lần này tôi chỉ tóm tắt một vài điểm trong phạm vi GIỚI.

Trông mong toàn-thể Phật-tử cố gắng thực hành không nên thoái chí trước sự khó khăn.

NHỮNG LỜI PHẬT DẠY

Trích dịch MINH-CHÂU

1) Hết thấy chúng sanh từ vô-thỉ đến nay, điên-đảo nhiều cách, giống nghiệp chướng đeo nhau như chùm trái ác-xoa ; các người tu-hành không thành đặng đạo vô-thượng Bồ-đề, mà chỉ thành Thanh-văn, Duyên-giác hoặc thành ngoại đạo, thành Chư-thiên, thành Ma-vương, thành quyền thuộc của ma, đều vì chẳng biết hai cái nguồn gốc, nên tu-tập lỗi-lầm cũng như nấu cát muốn cho thành cơm, dầu trái kiếp số nhiều như mây trần cũng không thể thành được. Hai cái nguồn gốc ấy là chi ? Nay ông A-Nan, cái thứ nhất là cái nguồn gốc sống chết vô-thỉ, tức như ông ngày nay cùng hết thấy chúng sanh, dùng cái tâm phan duyên mà làm sự tánh ; cái thứ hai là Bồ-đề Niết-Bàn vô thỉ, thể vốn thanh-tịnh, tức như hiện nay, cái bản thức tinh minh của ông, nó sanh ra các duyên mà cái tâm phan duyên của ông bỏ sót không duyên đến nó vậy. Vì chúng sanh bỏ sót tánh bản-minh ấy ; nên tuy hàng ngày hành động trong tánh bản-minh mà không tự biết, luống vào trong sáu đường.

Kinh THỦ LĂNG-NGHIÊM

2) Nếu như chúng-sanh công nhận những cái lay động là trần, những cái không an-trụ là khách ; các ông hãy xem đầu ông A-Nan tự lay động, cái thấy vốn không lay động, và lại xem tôi, tay tự nắm mở mà cái thấy vốn không nắm mở. Làm sao các ông, nhận cái động làm thân, nhận cái động làm cảnh, từ đầu đến cuối theo cái lay

động, niệm niệm sanh diệt bỏ mất chơn-tánh, làm việc trái ngược. Vì các ông bỏ mất tâm-tánh chơn thiệt, nhận vật làm mình, nên tự buộc mình phải trôi lăn trong đường luân-hồi.

KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM

3) Tánh diệu-giác sáng suốt viên mãn bản lai vẫn là viên, minh, diệu, mà đã gọi là vọng thì làm sao có nguyên-nhân, nếu thiệt có nguyên-nhân thì lẽ nào còn gọi là vọng! Đó chỉ do nơi vọng tưởng xoay vần làm nhờn cho nhau, theo các mê mà chứa mãi các mê trong những kiếp số như vi-trần đến nỗi tuy Phật đã phát minh cho, mà cũng không biết hồi đầu trở lại. Các mê như vậy là nhờn mê tự có, hề hết thấy các mê không có nhờn, thì các vọng cũng không còn nương vào đâu, thiệt không có cái gì gọi là sanh, hưởng nữa thiệt có cái gì đáng gọi là diệt. Các bậc đã chứngặng Bồ-đề cũng như người đã thức dậy, mà nói lại những việc trong chiêm bao, nơi tâm tuy vẫn nhớ rõ ràng, nhưng không thể duyên gì mà lấy được những vật trong chiêm bao, hưởng chi các mê không có nhờn, vốn không thiệt có.

KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM

4) Thí như pháp-hội ngày nay có người giảng kinh có người làm chủ, có người giúp việc, lại có số thỉnh chúng, cho đến có một cái ghế, một cái sập, một cái bình, một cái lò v. v. . . Các duyên ấy họp lại pháp-hội mới có sanh khởi, gọi là duyên họp thời có vậy, thời sanh vậy. Pháp-hội đã xong, người vật phân tán chỉ còn cái phòng trống, gọi là duyên tán thời không vậy, thời diệt vậy. Về

pháp-hội thì có sanh, có diệt nên gọi là hư vọng. Nhưng hết thấy pháp trong đạo-tràng này tuy có sanh diệt, nhưng tâm thể của chúng ta, khi chưa có đạo-tràng thì tâm ấy đã có rồi, khi đạo-tràng ly-tán thời tâm ấy vẫn thường tồn: Vậy là không sanh diệt. Do tâm ấy không sanh không diệt nên gọi rằng chơn.

Luận ĐẠI THỪA CHỈ QUÁN thuật ký

5) Nếu có chúng sanh nào quán niệm tức là hướng đến Phật trí vậy. Nhưng vì chúng sanh từ trước đến nay, niệm niệm nối liền chưa có pháp môn phương tiện để thiết hành; Khi một niệm khởi lên, liền khởi tâm quán chiếu, chánh trong khi quán chiếu, thời niệm trước đã diệt, niệm sau chưa sanh, hiện tại không có niệm: (trong phút niệm ấy không thấy có một vật gì cả). như vậy thì hết thấy pháp, thân, tâm, thế-giới đều không có, sáng như trăng tỏ, trong như gương sạch; nhưng mặt trăng và gương còn là sắc pháp; chẳng qua gương dùng để làm ví dụ, chớ tâm thể vô niệm là linh diệu, sáng suốt, độc chiếu, xa hẵn căn trần không thể lấy lời nói mà hình dung được.

ĐẠI-THỪA CHỈ-QUÁN

6) Trì tụng thánh hiệu Di-Đà cần khéo chuyên nói nhất, niệm, như trước được nhất niệm mà niệm Phật thời có thể hoàn toàn đều phục ngũ trú phiền não nếu không được vậy, niệm đã bắt nhứt thời một bên niệm Phật, một bên khởi phiền não khó lòng được nhất tâm bất loạn, khó lòng khỏi sự phiền não.

ĐẠI THỪA CHỈ QUÁN

7) Tịnh tâm vốn là không bất giác, gọi tâm là bồn giác, vốn không động biến, gọi tâm là bồn lịch vốn không hư trống gọi tâm là bồn bình đẳng. Nhưng mà thể tâm ấy chẳng phải là giác, chẳng phải là bất giác, chẳng phải là động, chẳng phải là bất động, chẳng phải là tướng, chẳng phải là không có tướng.

ĐẠI THỪA CHI QUÁN.

8) Không luận giảng kinh, xem kinh, nghe kinh, phải nhơn nơi lời nói văn tự mà thể ngộ bản tánh, như vậy mới chọn thực thọ dụng kinh điển. Nếu chỉ chấp nơi tướng của văn tự, tuy rằng biện tài lưu loát như nước chảy nhưng đối với tự-tánh không có can-hệ, tức là đối với Phật-pháp chẳng có tương ứng chút gì.

ĐẠI THỪA CHI QUÁN

9) Hỏi rằng : như chính nơi tâm vốn là không bất giác mà gọi là Phật, thời phạm-phu tức là Phật, cần tu đạo làm gì ? Đáp rằng : « như chính nơi tâm thể bình đẳng thời không có tu và không tu, thành với không thành, giác với bất giác ; chỉ vì muốn rõ cái nghĩa như như Phật nên nghĩ đối đãi nói là Phật. Lại nữa chính tâm thể bình đẳng mà nói thì không có sự sai khác giữa tâm-thể, giữa Phật, giữa chúng sanh, nên có bài kệ nói rằng : « Tâm, Phật và chúng sanh không có phân biệt » nhưng nếu chính nơi tâm tánh duyên khởi, pháp giới, pháp môn, pháp nhĩ chẳng hoại, nên thường bình đẳng thường sai biệt vậy ; Vì là thường bình đẳng nên tâm, Phật chúng sanh không có sai biệt ; nên trôi lăn 3 đường thì gọi là chúng sanh, ngược dòng đến nguồn thì gọi là Phật. Vì có nghĩa thường bình đẳng như vậy nên không có Phật, có chúng sanh, vì có nghĩa sai biệt duyên khởi vậy nên chúng sanh cần phải tu đạo.

ĐẠI THỪA CHI QUÁN

10) Chấp lý tánh bỏ tu đức cũng như người nghèo lượm được khế khoán của nhà giàu ; chấp sự mê lý cũng như đứa con nít đọc sách thánh hiền, tuy không hiểu lý nghĩa nhưng nếu đọc thuộc lòng thời công phu không phải uổng mất. Như người con chất phác kia trọn đời chơn thành niệm Phật, không biết nghĩa lý gì về Tịnh-độ cả, nhưng nếu chỉ thành khẩn thiết thời quyết định được vãng sanh, khi niệm đến nhất tâm bất loạn thời liền hợp với đạo mẫu. Còn người thông minh kia nói huyền, nói diệu, tự cho mình là hiểu sâu giáo lý Phật dạy, mà trong lòng chấp lý thuyết « tự tánh duy tâm » và kiến giải « không trước tướng » đến nỗi Phật cũng chẳng niệm, niệm cũng không thành kính, hoặc tuy niệm mà không phát nguyện ; thời trọn đời cũng không vãng sanh. Như vậy so sánh với kẻ chất phác kia chỉ biết trọng sự tướng thời kết quả xa cách nhau như trời vực vậy. Ví như người nghèo lượm được khế khoán của người giàu bỗng nhiên mừng rỡ cứ tự cho là của mình, có biết đâu tài sản vẫn thuộc người chủ cũ, mình chỉ lường giữ vẫn khế, không chút gì thực ích.

ĐẠI THỪA CHỈ-QUÁN thuật ký

Mùa Cứu Khổ

Cảm niệm Vu-Lan

TRÚC-DIỆP

*Trên Bưu-điện hôm nay trang nền ngọc,
Đình kim-lô phun dầy sóng trăm đàn.
Mắt theo lòng núp dưới bóng Từ-quang
Ngưng đọng cả muôn vàn dầy tin-tưởng !*

*Hương Ngủ phận kính dâng đức Vô-thượng.
Hoa Mạn đà và nhạc cổ thiên cung.
Giờ này đây chi xiết nỗi vui mừng :
Gặp cha mẹ trong mười phương thế-giới !*

*Ngày hoan hỷ cho vong-nhân khỏi tội ,
« Giải đảo huyền » là đền đáp ơn sâu ;
Mùa chư Tăng đương chung sức nguyện cầu
Tha ma đó ! hỡi năm mờ hoang-dại.*

*Hồn phiêu bạt trăm luân nơi khổ hải,
Kiếp luân hồi đeo nặng nợ tử sinh.
Mục-Liên xưa cứu mẹ thoát quỷ hình :
Gương hiếu hạnh ôi ! mùa Thu bắt diệt.*

NHỮNG MẪU CHUYỆN DẠO

MINH - CHÂU

1) Khi La-Hầu-La (con của đức Phật-Thích-Ca) chưa thành đạo, tâm tánh thô tháo, lời nói ít thành tín. Phật bảo La-Hầu-La rằng : « Người hãy về ở tại tinh-xá Hiền-Đề, giữ miệng, nhiếp ý, siêng tu kinh giới. La-Hầu-La vâng theo lời Phật dạy, về ở tinh-xá Hiền-Đề 90 ngày, làm quý tự hối, ngày đêm không dừng nghĩ. Đức Phật đến thăm. La-Hầu-La hoan hỷ đánh lễ sửa soạn chỗ ngồi thỉnh Phật an tọa, nhiếp tâm đứng hầu một bên Phật. Phật bảo La-Hầu-La rằng : « Người hãy bưng chậu nước đến đây, rửa chân cho ta » La-Hầu-La vâng lời rửa chân đức Phật. Khi rửa xong đức Phật bảo La-Hầu-La rằng : « Người có thấy nước rửa chân trong chậu kia không ?

— Bạch Thế-Tôn con thấy.

— Nước ấy có thể dùng để ăn uống súc miệng được không?

— Bạch Thế-Tôn không thể dùng được. Nước ấy trước kia trong sạch nay vì rửa chân trở thành nhớp đục nên không thể dùng. Phật dạy rằng : « Người cũng như vậy, là con ta, là cháu vua Tịnh-Phạn, bỏ sự vui sướng ở đời, làm vị Sa-môn ; nếu người không lĩnh-tấn, nhiếp thân giữ miệng, thời sẽ bị ba món độc là tham, sân, si làm nhơ nhớp tâm ý, cũng như nước đục kia không thể dùng được.

Phật lại bảo La-Hầu-La : « Hãy đổ chậu nước kia đi. »

La-Hầu-La liền đổ nước trong chậu ra.

Phật nói: « Chậu kia nay không còn nước nhớt nữa vậy có thể dùng để đựng đồ ăn uống được không? »

-- Bạch Thế-Tôn, không thể dùng được, là đã mang cái tên chậu đựng nước rửa và đã từng chứa nước không sạch.

Phật dạy La-Hầu-La: « Người cũng như vậy, tuy làm vị Sa môn, miệng không nói thành tín, tâm tánh lại cương cường, chẳng niệm tinh tấn, thường bị tiếng đồn không tốt. Thật cũng như cái chậu rửa kia không thể đựng đồ ăn được.

Đức Phật lấy ngón chân hất cái chậu rửa, khiến chạy lăn tròn, nẩy qua nẩy lại vài lần mới dừng lại. Phật bảo ông La-Hầu-La: « Người có tiếc cái chậu này bị bẻ không? »

-- Bạch Thế-Tôn, cái chậu để rửa chân là vật không quý giá gì. Trong ý tuy cũng có tiếc đôi chút, nhưng không đến nỗi thiết tha lắm. Phật bảo La-Hầu-La: « Người cũng như vậy; tuy làm người Sa-môn, không nhiếp thân và miệng, nói lời thô ác làm hại nhiều người, người thời trong chúng không ai thương, người tri thức không ai tiếc; thân chết bị luân chuyển trong ba đường dữ, sống chết vô lượng, các vị hiền thánh không ai thương tiếc, cũng như người nói không tiếc cái chậu nữa. » La-Hầu-La nghe lời Phật dạy lấy làm hổ thẹn và sám hối tất cả lỗi lầm đã phạm.

Kinh Pháp Cú thí dụ

Danh ngôn đòi với Đạo Phật

(Ngài THÁI-HƯ giảng tại Trường Đại-Học Hoa-Tây
Trung - Quốc)

Trích dịch : VIÊN-GIÁC

Quý học-hiệu hay đem văn-hóa Trung-Hoa và Âu-Mỹ tập hợp lại trong trường Hoa-Tây này, chung vào một lò mà rèn luyện, tôi có thể cho đây là một học-phủ lớn lao.

Tôi lần trước nhân dịp đến ngoạn cảnh Nga-mý có đi ngang qua Kinh-thành, trong khi ở lại nơi Găng đường tại Viện Văn-Thủ, có người bạn cũ thân mến là Bác-sỹ Phi mà tôi đã gặp ở Mỹ, ước mong đến thăm quý hiệu. Và lại trong các giáo-sư quý hiệu vốn có người quen tôi, nên ngày nay đây cùng đến với ông Hiệu-trưởng và các vị giáo-sư, viên chức được trông thấy nhau, tuy phần đông chưa từng gặp gỡ, song vừa nghe nói chuyện đến liền biết chúng ta đã am-hiểu nhau, thật tôi rất lấy làm hân hạnh.

Nói đến việc giảng-diễn thì tôi xưa nay không có học vấn gì, dầu dăm mùa riu qua mắt thợ -- còn như muốn nói đến Phật-pháp, thời căn bản Phật-Pháp là pháp bất khả tư nghì, chỉ có trí-huệ sáng suốt của đức Phật mới hay thân chứng, một pháp siêu việt ra ngoài tư-tưởng và lời nói thì không thể dùng tư-tưởng và lời nói mà hiểu thấu được. Nhưng vì muốn cho những người chưa hiểu biết cũng có thể hiểu biết được rõ ràng thời phải nên tùy theo căn cơ của chúng sanh vận dụng tư-tưởng, lời nói

làm phương châm dẫn đạo, đó cũng tức là như-ý của Thuyền-tôn không lập văn tự, mà cũng không là văn tự vậy. Nhưng đã bảo rằng không dùng tư-tưởng và lời nói mà hiểu thấu được, thì sao lại dùng đề dẫn đạo, vì đó là cái đích hướng thượng của Thuyền-Tôn, tuy do trí-huệ thân chứng, nhưng vì muốn thành lập tư-tưởng và ngôn-thuyết nên cần phải nhờ hai phương diện thị, phi, tả, chánh đối đãi với nhau; như cái bình hoa trưng bày ở trong phòng này, rồi y vào những cái khác không phải là bình hoa để cho hiểu rõ cái này là cái bình hoa, bèn lập ra cái danh từ bình hoa. Vậy ý nghĩa của danh từ bình hoa, đã có sự so sánh với đối phương của nó mà tỏ rõ thật ra chỉ là một thứ khái niệm trừu-tượng mà thôi — Phàm tất cả sự kiện gì có thể vận dụng tư-tưởng và lời nói để chỉ bày ra được đều thuộc về loại « khái niệm » của danh ngôn, chứ không thể đạt được pháp chân thật của thật-trí đã chứng — Trong kinh điển nhà Phật có 2 danh ngôn :

1) Hiện cảnh danh ngôn tức là chỉ cho tư tưởng.

2) Hiện nghĩa danh ngôn tức là chỉ cho lời nói.

Thuyền-Tôn không lập văn tự, không những là không lập ý nghĩa của lời nói về diễn-nghĩa danh-ngôn, mà lại càng không thiết yếu đến tư-tưởng của hiện cảnh danh ngôn nữa. Ví như tư-tưởng biết sắc trắng nhưng không thể trực tiếp thấy cái màu sắc trắng trên thực tế mà hiểu biết được. Chỉ là biết được cái khái-niệm trừu-tượng về loại sắc trắng phổ thông trong thế gian mà thôi. Vậy nên sự thật về loại sắc trắng do tư tưởng hiểu biết đến không phải là sự vật trên thật-tế, cho đến các việc tầm thường mình có thể chỉ

bày rõ ràng ra được, đều dùng ngôn-ngữ về hiền nghĩa danh ngôn cả. Ví như sự phát huy của các danh ngôn học thuyết đều căn cứ vào các khái-niệm trừu-tượng để cùng nhau biện luận. Vì vậy cho nên không có một lý-thuyết nào có thể dùng tư-tưởng và trí thức gì để hiểu thấu chỗ chân thật của các pháp. Bằng như được thoát lý ra ngoài các danh tự, bỏ hết thấy tư-tưởng mà không sa vào đường mê muội ngu-si, thế mới gọi là hiểu biết hoàn-toàn rốt-ráo. mới rõ ràng thân chứng được chân tướng của các pháp-như chọn trí đã từng chứng minh được chân pháp một phần nào rồi, thòi ngay nơi giả tướng liền biết được đó tức là chọn pháp cho nên trong kinh nói « Phật tại thế-gian bất ly thế-gian giác » là thế.

Thuyền-Tôn không lập ngôn ngữ văn tự chẳng qua là cần phải vượt ra ngoài lời nói để chứng lý chân thật mà thôi. Nhưng về mặt ứng dụng vừa buồn lời nói : « không lập văn tự » tức là đã dùng văn tự rồi. Vì thế Phật-pháp không những là không bỏ học thuyết của mình mà còn phát-huy học thuyết cho trở nên rộng rãi tinh-vi là khác. Dùng tư-tưởng và lời nói để thuyết-minh tuy không đủ năng lực để đi đến cảnh chân thật kia nhưng cũng có thể làm cho người chưa hiểu biết nương tựa nơi tư-tưởng và lời nói như nương vào thuyền bè để qua sông mà đến cảnh thật chứng sở dĩ kinh điển nhà Phật rất nhiều, và chỗ biện luận chia chẻ hết sức rõ ràng tinh tế đều là căn cứ trên sự thật mà hiền dương phát biểu chân lý.

TIN TỨC

TỔNG TRỊ SỰ. — 1°/ Trong dịp lễ VU-LAN đã xuất bản bộ Luận ĐẠI-THỪA KHỞI-TÍN 1.000 quyển và những bài giảng về ý nghĩa buổi lễ đăng trong Viên-Âm số 82.

2°/ **NGHI THỨC TỤNG-NIỆM** : Vì sự nhu cầu của đại-đa số hội-hữu khắp các Tỉnh nên Tổng-Trị-Sự tái bản lần thứ ba. **NGHI-THỨC-TỤNG-NIỆM** 4000 cuốn sắp phát-hành. Yêu-cầu các Tỉnh-Hội Chi-Hội dự trữ số sách cần nhận bao nhiêu tin trước cho Tổng-Trị-Sự biết để phân phát.

TỈNH HỘI THỪA THIÊN. — Mặc dầu tình thế khó khăn, Tỉnh-Hội Thừa-Thiên đã cử hành lễ VU-LAN rất đúng Phật-Pháp, đặc sắc nhất là năm nay chư tăng kiết hạ số đông. Ngày giải-hạ làm lễ Tự-Tứ tại chùa Bảo-Quốc rất trang-nghiêm trước khi ứng cúng tại Hội-Quán TỪ-ĐÀM. Hai Khuôn Tịnh-Độ DƯƠNG-BIỀU và PHÚ-LÂU (thuộc Tỉnh-Hội ấy) năm nay đều có tổ chức lễ trai-tăng rất long trọng có mời Tỉnh-Hội và Tổng-Trị-Sự đến dự...

Ngoài các lễ cầu-siêu, cầu-an cho lực thân quyến thuộc và thất thế Phụ-mẫu của toàn thể Hội-viên, Tỉnh-Hội ấy có làm lễ cầu-siêu cho các hương linh chiến tranh nạn vong tại chùa Hội-Quán Từ-Đàm và tất cả các Niệm-Phật-Đường.

TỈNH-HỘI LÂM-VIÊN. — Tổ-chức lễ VU-LAN long trọng từ ngày 13 tháng 7 âm lịch khai kinh đến chiều 15 hoàn Kinh. Theo chương trình Tỉnh-Hội ấy báo cáo buổi lễ

3 ngày có chia : a) Những thời thuyết-pháp. b) Giờ thanh-niên Phật-tử hành lễ. c) Giờ cầu siêu tại Nghĩa-địa của Hội. d) Lễ Trai-Tăng cúng dường chư vị Tăng-già. e) Ban Cứu-tế đi viếng Bệnh-Viện và nhà lao. f) Bỏ thí tại chùa Hội-Quán. g) Chẩn Tế.

TỈNH HỘI NINH THUẬN. — Đã tế nhận ý nghĩa từ thông cáo của Tổng Trị-Sự về dịp lễ VU-LAN mà ấn định chương trình hành lễ, giảm bớt các việc phung phí, nhưng lễ cử hành không kém vẻ trang nghiêm, hội-viên đến dự đông đủ.

TỈNH HỘI QUẢNG TRỊ. — Lễ VU-LAN cử hành long trọng. Ban-Trị-Sự lưu túc tại Hội-Quán ngày 14 và 15. Hội-viên đến dự lễ rất đông, có đại-biểu các Chi-Hội Triệu-Phong và Hải-Lăng đến dự lễ.

Cuộc phát chẩn sắp đặt có thứ tự, kẻ nghèo đến lãnh chẩn rất đông.

CHI HỘI CÔNG HINH. — (một Chi-Hội hiện trực tiếp với đại-diện Tổng-Trị-Sự tại Lâm-Viên).

Chi-Hội này đã tổ chức lễ VU-LAN rất thuần thành, ngoài các lễ chánh thức có tu-tảo nghĩa địa của Cù-hội trước ngày lễ, và trong ngày lễ có số đông hội-viên đến viếng nghĩa-địa.

Còn các Tỉnh-Hội khác, vì Tổng-Trị-Sự chưa tiếp được tờ báo-cáo nên chưa đăng.

II. Những Kinh, sách hiện còn tại Tổng-Trị-Sự

1) Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm (tập I)	6\$00
2) LỜI Phật Dạy (tập I)	5\$00
3) Bát Nhã Tâm Kinh	5\$00
4) Luận Khởi Tín	12\$00

III. Những Kinh, Sách sắp xuất bản.

- 1) Nghi Thức Tụng Niệm (lần thứ 3)
- 2) Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm
- 3) Lời Phật Dạy (tập II)

LỜI YÊU CẦU

Ban Tổng Phát-hành Phật-Học Tùng-Thư Tổng-Trị-Sự yêu-cầu các Tỉnh-Hội, Chi-Hội, các Khuôn Tịnh-Độ, các tư-gia có thỉnh kinh sách chưa trả tiền xin thanh toán gấp để Ban Phát-hành có thể tiến hành công việc.

. . .

Hội « LES AMIS DU BOUDDHISME PARIS » tiếp tục gửi sách báo đề Tổng Trị-Sự Phát-Hành. Hiện có :

- 1o) La Pensée Bouddhique từ tháng 7-39 đến 7-49 cộng 31 tập (mỗi collection)
- 2) La Sagesse du Bouddha
- 3) La Parole du Bouddha.
- 4) La Méditation Bouddhique.
- 5) Deux Essais sur le Bouddhisme.
- 6) Le Bouddha
- 7) Pirit Nula.
- 8) Des Morts Tibétains.
- 9) Le Yoga Tibétain (Doctrines Secrètes).
- 10) Dharma-Samuccaya.

Còn nhiều sách khác chưa tiếp được ; nếu Tỉnh-Hội nào, đạo-hữu nào cần thỉnh để nghiên-cứu thì gửi thư tin trước Tổng-Trị-Sự biết mà đề dành cho. Giá thỉnh sách sẽ tính (y giá sách thêm cước phí ở Pháp gửi qua và cước phí ở Huế gửi đi).